

Số: /QĐ-TTT

Khánh Hòa, ngày tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán kinh phí để thực hiện chế độ, chính sách theo
Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP
Ngày 15/03/2025 của Chính phủ

CHÁNH THANH TRA TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc sắp xếp cơ cấu tổ chức Thanh tra tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3321/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt và bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/03/2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng, Thanh tra tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán kinh phí để thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày

15/03/2025 của Chính phủ cho Văn phòng Thanh tra tỉnh với số tiền là: 15.397.449.679 đồng (*Bằng chữ: Mười lăm tỷ ba trăm chín mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm bảy mươi chín đồng*).

Điều 2. Căn cứ kinh phí được giao tại Điều 1, Văn phòng có trách nhiệm chi trả kinh phí thực hiện chế độ chính sách cho các trường hợp nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng và các cá nhân có liên quan thuộc Thanh tra tỉnh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận (VBĐT):

- Như Điều 3;
- KBNN khu vực XIV;
- Sở Tài chính;
- Trang TTĐT TTT (công khai);
- Lưu: VT, KT.

CHÁNH THANH TRA

Tạ Hồng Quang

Đơn vị: Thanh tra tỉnh, tỉnh Khánh Hòa (1040021)

Chương: 437

PHỤ LỤC
DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH THEO
NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/2024/NĐ-CP NGÀY 31/12/2024,
NGHỊ ĐỊNH SỐ 67/2025/NĐ-CP NGÀY 15/3/2025 CỦA CHÍNH PHỦ
 (Kèm theo QĐ số /QĐ-TTT ngày /9/2025 của Chánh Thanh tra tỉnh)

		Đvt: đồng
STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	15.397.449.679
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	
1.2	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 23-341	
1.3	Kinh phí không thực hiện tự chủ	15.397.449.679
	Kinh phí để thực hiện chế chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP Ngày 15/03/2025 của Chính phủ (Nguồn 23 -341)	15.397.449.679
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0
2.1	Kính phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	
2.2	Kính phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	0
3.1	Kính phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kính phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0
4.1	Kính phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kính phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	0
5.1	Kính phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kính phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	0
6.1	Kính phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kính phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
7.1	Kính phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kính phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
8.1	Kính phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kính phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	0

9.1	Kính phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kính phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0
10.1	Kính phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kính phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	0
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0